

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HS-ST

Ngày 29 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hương

2. Bà Dư Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngộ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn B**, (tên gọi khác: Không), sinh năm 1990 tại Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 66B/5, khóm C, phường B, thành phố A, tỉnh L; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1969 và bà Lý Thị Q, sinh năm 1969; vợ là Huỳnh Bé Cầm, sinh năm 1995 và 01 người con, sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giữ ngày 25/01/2018, đến ngày 30/01/2018, khởi tố bị can và tạm giam đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Chí T**, (tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp D, xã H, huyện N, tỉnh L; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1960 và bà Huỳnh Thu F, sinh năm 1964; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo tự thú và bị tạm giữ từ ngày 24/01/2018, đến ngày 30/01/2018, khởi tố bị can và tạm giam đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B: Ông Trần Văn V là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T: Ông Nguyễn Duy S là Luật sư công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Cao Kiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Lâm Thị Mỹ L, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 5/182B, ấp K, xã Q, thành phố A, tỉnh L, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Việt I, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp M, xã X, huyện P, tỉnh L, (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn G, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện M, tỉnh A, (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/01/2018, các bị cáo Nguyễn Chí T, Trần Văn B cùng Trần Văn T2, Trần Văn U đi trộm cắp tài sản thì bị công an xã V, thành phố A phát hiện nên T bỏ lại xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-551.47 tại hiện trường. Sau đó, bị cáo T đến Công an thành phố Bạc Liêu tự thú và khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, các bị cáo Trần Văn B và Nguyễn Chí T đã thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 26/12/2017, bị cáo Nguyễn Chí T điều khiển xe biển kiểm soát 94K1-551.47 chở bị cáo Nguyễn Văn B, khi đến ấp M, xã X, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, bị cáo T thấy bà Nguyễn Việt I có đeo 01 sợi dây chuyền vàng 18k, loại khoen lật, mặt hình bông có trọng lượng 10 chỉ nên nói cho bị cáo B biết. Bị cáo B kêu bị cáo T quay xe lại và dừng trước tiệm tạp hóa của bà Chiêu, B vào mua thuốc lá. Lúc bà I sơ hở bị cáo B giật đứt sợi dây chuyền của bà I rồi nhanh chóng nhảy lên xe cho bị cáo T chở đi tẩu thoát. Sau đó, T và B đem sợi dây chuyền giật được đến tiệm vàng Y tại khóm 2, phường R, thị xã F, tỉnh L bán rồi chia nhau tiêu xài hết. Tài sản bị chiếm đoạt Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, loại khoen lật, mặt hình bông, trọng lượng 10 chỉ, có trị giá là 29.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Do trước đó, khi đi ngang trường tiểu học Trần Đại Nghĩa, ấp S, xã V, thành phố A, tỉnh L, các bị cáo Nguyễn Chí T và Trần Văn B biết bà Lâm Thị Mỹ L có đeo 01 sợi dây chuyền vàng 18k, loại khoen lật, trọng lượng 11 chỉ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Chiều ngày 13/01/2018, bị cáo T rủ bị cáo B đi giật dây chuyền của bà L thì B đồng ý, đến khoảng 05 giờ ngày 14/01/2018, bị cáo T điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-551.47 chở bị cáo B đến khu vực trước Trường tiểu học Trần Đại Nghĩa thấy bà L đang dọn hàng lên sạp chuẩn bị bán, T điều khiển xe qua lại để chờ cơ hội giật tài sản. Khi bà L đi ra gần lề đường thì bị cáo T điều khiển xe áp sát để bị cáo B giật đứt sợi dây chuyền vàng 18k của bà L rồi tăng ga tẩu thoát. Tài sản chiếm đoạt

được, T và B tiếp tục đến tiệm vàng Y bán được số tiền 23.900.000 đồng. Tài sản bị chiếm đoạt Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, loại khoen lật, trọng lượng 11 chỉ, có trị giá là 30.782.000 đồng.

Các bị cáo, những người tham gia tổ tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Chí T và Trần Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Về tang vật của vụ án: Xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-551.47 các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu đang quản lý, các tài sản còn lại không liên quan đến vụ án đã được trả cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lâm Thị Mỹ L và gia đình các bị cáo T, bị cáo B đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 24.000.000 đồng trong đó bị cáo T bồi thường 13.000.000 đồng, bị cáo B bồi thường 11.000.000 đồng, bà L không có yêu cầu gì khác. Đối với bà Nguyễn Việt I, yêu cầu bồi thường thiệt hại 29.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường 14.500.000 đồng.

Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn Chí T, Trần Văn B về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Chí T, Trần Văn B, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2017 đến tháng 01/2018, bị cáo T và bị cáo B đã sử dụng xe gắn máy làm phương tiện đi cướp giật tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản là 59.782.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường khắc phục hậu quả, bị hại Nguyễn Việt I có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo; bị cáo T tự thú, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn B mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lâm Thị Mỹ L không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét; bà Nguyễn Việt I yêu cầu nhận số tiền 29.000.000 đồng theo kết luận định giá, yêu cầu của bà Nguyễn Việt I là có cơ sở, bị cáo T đã bồi thường xong số tiền 14.500.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo B đã bồi thường 10.000.000 đồng nên đề nghị buộc bị cáo Trần Văn B tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Việt I số tiền 4.500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-551.47 các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là của ông Nguyễn Văn G, ông G không biết bị cáo T sử dụng xe làm công cụ phạm tội nên đề nghị trả lại cho ông G

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Chí T, Trần Văn B phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn B trình bày quan điểm bào chữa: Thống nhất quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo B về tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng không thống nhất quan điểm truy tố về tình tiết định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 bởi lẽ các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với các bị hại không sử dụng xe máy mà bị cáo B bước xuống xe mới giật tài sản. Bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả cho bị hại quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ Luật Hình sự năm 2015.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chí T trình bày quan điểm bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh và thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo tích cực khai báo hỗ trợ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Mặt khác, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã bồi thường, khắc phục được toàn bộ thiệt hại, về nhân thân bị cáo là thành phần lao động, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính, con còn nhỏ. Từ những nội dung trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 xử phạt các bị cáo mức án từ 01 năm đến 02 năm tù.

Các bị cáo giữ nguyên các lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra, thống nhất với lời bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Tại phiên Tòa bị cáo B đã bồi thường 10.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Việt I.

Người bị hại bà Nguyễn Việt I giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo B nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được đoàn tụ với gia đình do bị cáo ăn năn hối cải.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được đoàn tụ với gia đình do bị cáo ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên trong quá trình truy điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về áp dụng pháp luật: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào các ngày 26/12/2017 và 13/01/2018; ngày 26/12/2017 trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật; tuy nhiên, nội dung Điều luật quy định tội “*Cướp giạt tài sản*” tại Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 không thay đổi nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[1] Căn cứ vào lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cơ sở xác định vào các ngày 26/12/2017 và 13/01/2018 các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Chí T đã sử dụng xe máy làm phương tiện cướp giạt tài sản của bà Nguyễn Việt I và bà Lâm Thị Mỹ L. Các bị cáo Nguyễn Chí T và Trần Văn B xác định tài sản các bị cáo lấy trộm của bà Nguyễn Việt I là dây chuyền có trọng lượng 3,9 chỉ vàng 18k; người bị hại khai trọng lượng dây chuyền là 10 chỉ vàng 18k; tuy nhiên các bị cáo thừa nhận chính các bị cáo thực hiện hành vi cướp giạt tài sản là sợi dây chuyền của bà I và thống nhất bồi thường thiệt hại như yêu cầu của bà I; bên cạnh đó các bị cáo khai không trùng khớp về tài sản, cụ thể, bị cáo T khai sợi dây chuyền có mặt hình bông, bị cáo B khai khi giạt sợi dây chuyền bị đứt và không có mặt, bị cáo T khai bán sợi dây chuyền được 10.000.000 đồng, bị cáo B khai bán được 8.800.000 đồng nên lời khai của người bị hại Nguyễn Việt I là có căn cứ, có cơ sở xác định tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong 02 lần là 59.782.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà Lâm Thị Mỹ L các bị cáo sử dụng xe máy là phương tiện nguy hiểm, bị cáo T lái xe áp sát để bị cáo B giật dây chuyển của bà L sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Tuy bị cáo B xác định khi thực hiện hành vi giật dây chuyển của bà L bị cáo không ngồi trên xe mà bước xuống xe mới giật tài sản nhưng lời khai của bị cáo T và bị hại L đều xác định các bị cáo sử dụng xe máy áp sát để giật dây chuyển nên không chấp nhận lời trình bày của bị cáo B. Mặt khác, sau khi chiếm đoạt được tài sản các bị cáo nhanh chóng tẩu thoát bằng xe máy, gây nguy hiểm cho những người tham gia giao thông trong khu vực. Do đó, có cơ sở kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với các tình tiết định khung tăng nặng “*chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng*” và “*dùng thủ đoạn nguy hiểm*” như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố là có căn cứ.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho người dân; các bị cáo là người đã thành niên, không bị hạn chế về tinh thần, thể chất có khả năng lao động tạo ra của cải vật chất phục vụ cho cuộc sống, bị cáo biết rõ hành vi sử dụng xe gắn máy cướp giật tài sản của người khác là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo bất chấp. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm, có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo T đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, bị hại Nguyễn Việt I có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Chí T sau khi phạm tội đã tự thú, được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét ý kiến trình bày của Luật sư thấy rằng bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội bị cáo thực hiện trước cơ quan điều tra và đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*tự thú*” và “*thành khẩn khai báo*” nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” như đề nghị của luật sư.

Trong các lần cướp giật tài sản hai bị cáo Nguyễn Chí T và Trần Văn B cùng thực hiện hành vi phạm tội, tuy có phân công nhiệm vụ, bị cáo B giật tài sản, bị cáo T chở bị cáo B nhưng giữa hai bị cáo không có kế hoạch câu kết chặt chẽ, cả hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên là đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo là ngang nhau do đó khi quyết định hình phạt mức hình

phạt của các bị cáo là tương đương. Tuy nhiên bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo B và bị cáo T đã khắc phục hậu quả cho các bị hại xong nên xử bị cáo T mức án thấp hơn đối với bị cáo B. Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bằng xe máy là phương tiện nguy hiểm, thực hiện nhiều lần, tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt không đủ để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên không chấp nhận đề nghị của các Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo, xét thấy các bị cáo bị truy tố với tình tiết định khung: “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng*” nên căn cứ khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015: “*Các tình tiết đã được bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không coi là tình tiết tăng nặng*” không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với vụ trộm cắp tài sản của bà Trần Thị Ngọc N1 vào ngày 23/01/2018 tại ấp G, xã V, thành phố A, tỉnh L mà bị cáo T và bị cáo B thực hiện do giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng và không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với vụ cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn thị xã V, tỉnh S và vụ trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện N, tỉnh L mà bị cáo T và bị cáo B khai nhận đã thông báo cho cơ quan điều tra có thẩm quyền giải quyết là phù hợp.

Đối với Trần Văn T2 và Trần Văn Ú, không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với bà Diệp Mai T3 và ông Hồ Minh K chủ tiệm vàng Y chưa đủ căn cứ xác định có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Như đã nhận định trên, chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hình phạt nhưng không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lâm Thị Mỹ L không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét; bà Nguyễn Việt I yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 29.000.000 đồng như kết luận định giá là có căn cứ nên chấp nhận. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án bị cáo T đã bồi thường xong số tiền 14.500.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo B đã bồi thường 10.000.000 đồng cho bà I. Do đó, buộc bị cáo Trần Văn B tiếp tục bồi thường cho bà Nguyễn Việt I số tiền 4.500.000 đồng.

[4] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 xe gắn mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 94K1- 551.47 đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định được là của ông Nguyễn Văn G cha bị cáo

Nguyễn Chí T, ông G không biết bị cáo T sử dụng chiếc xe trên là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên trả lại chiếc xe trên cho ông G.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Chí T và Trần Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Trần Văn B phải bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Việt I 4.500.000 đồng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c, d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Chí T, Trần Văn B; riêng bị cáo Nguyễn Chí T được áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Chí T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Xử phạt:

Bị cáo Trần Văn B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2018.

Bị cáo Nguyễn Chí T 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/01/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn B bồi thường cho bà Nguyễn Việt I 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*)

4. Về vật chứng: Trả cho ông Nguyễn Văn G 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 94K1-551.47 (đã qua sử dụng), số loại WINNER, dung tích xilanh 149, số khung: RLHKC2603GY013288, số máy: KC26E1025532.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2018)

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Chí T và Trần Văn B mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Trần Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án hình sự sơ thẩm các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- CQ Điều tra CA TP Bạc Liêu;
- NTG Công an TP Bạc Liêu;
- Chi Cục THA.DS TP Bạc Liêu;
- Bị cáo;
- Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có);
- Lưu.

Lâm Thị Tuyết Anh

